

Số. 493 /TB-HV

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO

Phương thức tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2026

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 426/QĐ-HV ngày 05/03/2026 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông thông báo các **Phương thức tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2026** như sau:

A. CÁC PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

1. Phương thức 1: Xét tuyển tài năng

Xét tuyển tài năng gồm có:

- a) Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: Đối với các thí sinh đạt thành tích cao trong kỳ thi, cuộc thi cấp quốc gia hoặc quốc tế theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.
- b) Xét tuyển dựa vào hồ sơ năng lực (HSNL): Đối với các thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế *hoặc* thí sinh tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi trung học phổ thông (THPT) cấp quốc gia *hoặc* thí sinh đạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp quốc gia *hoặc* thí sinh đạt thành tích cao trong kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương (TW) *hoặc* của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Huế, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Vinh (giải Nhất, Nhì, Ba và Khuyến khích; thời gian đạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển) *hoặc* là học sinh tại các trường THPT chuyên *hoặc* hệ chuyên thuộc các trường THPT trọng điểm quốc gia.

2. Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế (Chứng chỉ SAT/ACT)

3. Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả trong các kỳ thi đánh giá năng lực (ĐGNL), đánh giá tư duy (ĐGTD) của các đơn vị: Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Đại học Bách khoa Hà Nội và Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức.

4. **Phương thức 4:** Xét tuyển kết hợp giữa Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (Chứng chỉ IELTS, TOEFL) với kết quả học tập ở bậc THPT.

5. **Phương thức 5:** Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

B. ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN CỦA CÁC PHƯƠNG THỨC

I. PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN TÀI NĂNG

1. Xét tuyển thẳng:

Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026 và đạt một trong các thành tích sau:

- a) Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp quốc gia hoặc quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc cử tham gia với các môn Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học (được xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành/chương trình) hoặc môn Tiếng Anh (được xét tuyển thẳng vào các ngành/chương trình thuộc nhóm ngành Kinh doanh và Quản lý, nhóm ngành Báo chí và Truyền thông) hoặc môn Ngữ văn (được xét tuyển thẳng vào ngành Báo chí và ngành Truyền thông đa phương tiện); thời gian đạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;
- b) Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc cử tham gia (*Căn cứ vào đề tài dự thi của thí sinh đạt giải, Học viện xem xét xét tuyển thẳng thí sinh vào ngành đào tạo phù hợp*); thời gian đạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

2. Xét tuyển dựa vào hồ sơ năng lực (HSNL)

Tính đến thời điểm xét tuyển, thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương và có thêm một trong các điều kiện như sau:

- a) Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế (năm 2026, 2025, 2024) đối với các môn Toán, Vật lí, Hóa học hoặc Tin học;
- b) Thí sinh đạt giải **Khuyến khích** hoặc đã tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp quốc gia hoặc đạt giải **Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích** trong kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương (TW) hoặc của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Huế, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Vinh các môn Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học (thí sinh được đăng ký xét tuyển (ĐKXT) vào tất cả các ngành/chương trình) hoặc môn Tiếng Anh (được ĐKXT vào các ngành/chương trình thuộc nhóm ngành Kinh doanh và Quản lý, nhóm ngành Báo chí và Truyền thông) hoặc môn Ngữ văn (được ĐKXT vào ngành Báo chí hoặc ngành Truyền thông đa phương tiện);
- c) Là **học sinh chuyên** của trường THPT chuyên trên phạm vi toàn quốc (các trường THPT chuyên thuộc Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW và các trường THPT chuyên thuộc Cơ sở giáo dục đại học) hoặc **hệ chuyên** thuộc các trường THPT trọng điểm quốc gia các môn Toán, Vật lí, Hóa học, Tin học (được ĐKXT vào tất cả các ngành/ chương trình) hoặc môn Tiếng Anh (được ĐKXT vào các ngành/ chương trình thuộc nhóm ngành Kinh doanh và Quản lý,

nhóm ngành Báo chí và Truyền thông) hoặc môn Ngữ văn (được ĐKXT vào ngành Báo chí và ngành Truyền thông đa phương tiện).

II. XÉT TUYỂN DỰA VÀO KẾT QUẢ CHỨNG CHỈ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC QUỐC TẾ (CHỨNG CHỈ SAT/ACT)

Tính đến thời điểm xét tuyển, thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương và có **Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế SAT từ 1130/1600 trở lên hoặc ACT từ 25/36 trở lên**, trong thời hạn 02 năm (tính đến ngày xét tuyển).

III. XÉT TUYỂN DỰA VÀO KẾT QUẢ BÀI THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HOẶC ĐÁNH GIÁ TƯ DUY

Tính đến thời điểm xét tuyển, thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương và có thêm **một trong các điều kiện** sau đây:

- 1) Thí sinh có điểm thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội (TSA) năm 2026 từ **50 điểm trở lên**;
- 2) Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Hà Nội (HSA) năm 2026 từ **75 điểm trở lên**;
- 3) Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh (V-ACT) năm 2026 từ **600 điểm trở lên**;
- 4) Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026 từ **15 điểm trở lên**.

Ghi chú:

1. Đối với bài thi đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Hà Nội (HSA) thí sinh chọn:

- Phần 3 - Khoa học: Thí sinh bắt buộc chọn tổ hợp có 2 chủ đề là Vật lý và Hóa học
- Phần 3 - Tiếng Anh: Thí sinh chỉ được ĐKXT vào các ngành/chương trình thuộc nhóm ngành Kinh doanh và Quản lý, nhóm ngành Báo chí và Truyền thông.

2. Đối với bài thi đánh giá năng lực của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội thí sinh phải đăng ký thi các môn theo tổ hợp xét tuyển của Học viện.

IV. XÉT TUYỂN KẾT HỢP GIỮA CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH QUỐC TẾ (CHỨNG CHỈ IELTS, TOEFL) VỚI KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở BẬC THPT

Tính đến thời điểm xét tuyển, thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương và có **Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế** trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển) đạt **IELTS 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT 65 trở lên hoặc TOEFL ITP 513 trở lên**.

Ghi chú: Học viện không chấp nhận Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế có Test Center với hình thức là Home Edition

V. XÉT TUYỂN DỰA VÀO KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2026

Tính đến thời điểm xét tuyển, thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương và phải tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 với các bài thi/môn thi theo tổ hợp xét tuyển tương ứng các ngành ĐKXT của Học viện.

C. CÁCH TÍNH ĐIỂM XÉT TUYỂN CỦA CÁC PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN (Điểm xét tuyển chưa quy đổi tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Phương thức Xét tuyển tài năng:

Xét tuyển dựa vào hồ sơ năng lực (HSNL):

$$\text{Điểm HSNL} = \text{Điểm HL} + \text{Điểm TT} + \text{Điểm cộng (nếu có)} + \text{Điểm UT (nếu có)}$$

Trong đó:

- Điểm HSNL được quy đổi theo thang điểm 100;
 - Điểm học lực (Điểm HL) chiếm 60% (tối đa 60 điểm);
 - Điểm thành tích (Điểm TT) chiếm 40% (tối đa 40 điểm);
 - Điểm ưu tiên thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và được quy đổi theo thang điểm 100 tương ứng.
- **Điểm học lực (Điểm HL)** được tính bằng tổng của ba (03) điểm bình quân kết quả học tập ở năm học lớp 10, 11, 12 của ba (03) môn học tương ứng với tổ hợp bài thi/môn thi của ngành đã đăng ký xét tuyển, cụ thể:

$$\text{Điểm HL} = [\text{Điểm BQ môn 1} + \text{Điểm BQ môn 2} + \text{Điểm BQ môn 3}] * 6/3$$

$$\text{với Điểm BQ môn} = [\text{Điểm năm lớp 10} + \text{Điểm năm lớp 11} + \text{Điểm năm lớp 12}] / 3$$

- **Điểm thành tích (Điểm TT)** được xác định cụ thể như sau:

TT	Thành tích	Điểm thành tích	Ghi chú
1.	- Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế - Giải Khuyến khích cấp quốc gia	40	
2.	Giải Nhất	35	
3.	Giải Nhì	30	
4.	Giải Ba	25	
5.	- Giải Khuyến khích - Thí sinh tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp quốc gia	20	
6.	Học sinh chuyên (không có giải)	15	

Ghi chú: Thí sinh chỉ được lựa chọn một (01) loại thành tích cao nhất.

2. Xét tuyển dựa vào kết quả Chứng chỉ đánh giá năng lực quốc tế (chứng chỉ SAT/ACT).

Điểm xét tuyển (ĐXT) = Điểm SAT/ACT + Điểm cộng (nếu có) + Điểm UT (nếu có)

3. Xét tuyển dựa vào kết quả bài thi đánh giá năng lực hoặc đánh giá tư duy

Điểm xét tuyển (ĐXT) = Điểm ĐGNL/ĐGTD + Điểm cộng (nếu có) + Điểm UT (nếu có)

4. Xét tuyển kết hợp giữa chứng chỉ tiếng anh quốc tế (chứng chỉ IELTS, TOEFL) với kết quả học tập ở bậc THPT

- Điểm xét tuyển (ĐXT) được tính bằng tổng của ba (03) điểm bình quân kết quả học tập ở năm học lớp 10, 11, 12 của ba (03) môn học tương ứng với tổ hợp bài thi/môn thi đã đăng ký xét tuyển, cộng với điểm ưu tiên, điểm cộng (nếu có);

$$\text{ĐXT} = [\text{Điểm BQ môn 1} + \text{Điểm BQ môn 2} + \text{Điểm BQ môn 3}] + \text{Điểm cộng (nếu có)} + \text{Điểm UT (nếu có)}.$$

Trong đó:

$$\text{Điểm BQ môn} = [\text{Điểm năm lớp 10} + \text{Điểm năm lớp 11} + \text{Điểm năm lớp 12}]/3$$

5. Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026

$$\text{ĐXT} = M1 + M2 + M3 + \text{Điểm cộng (nếu có)} + \text{Điểm UT (nếu có)}.$$

Trong đó: M1, M2, M3 là kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT của 03 bài thi/môn thi theo tổ hợp xét tuyển tương ứng các ngành/chương trình của Học viện.

TT	Ngành/ chương trình	Tổ hợp xét tuyển
1.	Các ngành/ chương trình thuộc Khối ngành Kỹ thuật, Khối ngành Công nghệ kỹ thuật, Khối ngành Máy tính và CNTT	Toán, Lý, Hóa (mã A00) Toán, Lý, Anh (mã A01) Toán, Lý, Tin (mã X06) Toán, Tin, Anh (mã X26)
2.	Các ngành/ chương trình thuộc Khối ngành Kinh doanh và quản lý, Khối ngành Báo chí và thông tin	Toán, Lý, Hóa (mã A00) Toán, Lý, Anh (mã A01) Toán, Lý, Tin (mã X06) Toán, Tin, Anh (mã X26) Toán, Văn, Anh (mã D01)

D. ĐIỂM CỘNG

1. **Điểm thưởng:** Áp dụng đối với đối tượng đủ điều kiện Xét tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền xét tuyển thẳng theo quy định tại khoản 2, Điều 8 của Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TT	Loại Giải đạt được	Điểm thưởng (theo thang điểm 30)
1	Giải Nhất cấp Quốc gia	3,00 điểm
2	Giải Nhì cấp Quốc gia	2,75 điểm
3	Giải Ba cấp Quốc gia	2,50 điểm

2. Điểm xét thưởng:

- **Điều kiện xét thưởng:** Thí sinh đạt giải **Khuyến khích** trong kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp quốc gia *hoặc* đạt giải **Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích** trong kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương (TW) *hoặc* của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Huế, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Vinh các môn **Toán, Vật lý, Hóa học, Tin học.**
- **Không** áp dụng đối với Phương thức Xét tuyển tài năng.
- Thí sinh chỉ được lựa chọn một (01) loại thành tích cao nhất.
- **Mức điểm xét thưởng:**

TT	Loại Giải đạt được	Điểm xét thưởng (theo thang điểm 30)
1	- Giải Khuyến khích cấp quốc gia - Giải Nhất	1,50 điểm
2	Giải Nhì	1,25 điểm
3	Giải Ba	1,00 điểm
4	Giải Khuyến khích	0,75 điểm

3. Điểm khuyến khích

- **Điều kiện xét thưởng:** Thí sinh có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (IELTS, TOEFL) còn trong thời hạn.
- **Không** áp dụng đối với Phương thức Xét tuyển tài năng (đối với thí sinh đã sử dụng Giải học sinh giỏi môn tiếng Anh).
- Thí sinh chỉ được lựa chọn một (01) loại chứng chỉ có thành tích cao nhất.
- **Mức điểm khuyến khích:**

TT	IELTS	TOEFL iBT	TOEFL ITP	Điểm KK (theo thang điểm 30)
1	7.0 – 9.0	Từ 94 điểm trở lên	Từ 627 điểm trở lên	1,50 điểm
2	6.5	86 – 93	591 – 626	1,00 điểm
3	6.0	72 – 85	546 – 590	0,75 điểm
4	5.5	46 – 71	500 – 545	0,50 điểm

4. Các mức Điểm cộng (Điểm thưởng, Điểm xét thưởng, Điểm khuyến khích) nêu trên được xác định theo thang điểm 30 và sẽ được quy đổi theo thang điểm tương ứng của từng Phương thức tuyển sinh và đảm bảo tổng Điểm cộng không vượt quá 10% điểm tối đa của thang điểm xét.

Các thông tin chi tiết và hướng dẫn tuyển sinh đại học chính quy năm 2026 thí sinh có thể xem trên các công thông tin điện tử và trang Fanpage tuyển sinh của Học viện tại các địa chỉ: <https://ptit.edu.vn>, <https://daotao.ptit.edu.vn>, <https://tuyensinh.ptit.edu.vn>, <https://facebook.com/ptittuyensinh>; trang zalo: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (ID 1260203497642986925).

Xin trân trọng thông tin! ✓

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc HV (để b/c);
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện;
- Công thông tin điện tử;
- Các cơ quan báo chí;
- Lưu VT, ĐT (02)



PGS.TS Trần Quang Anh